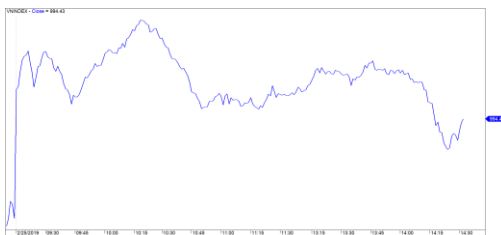


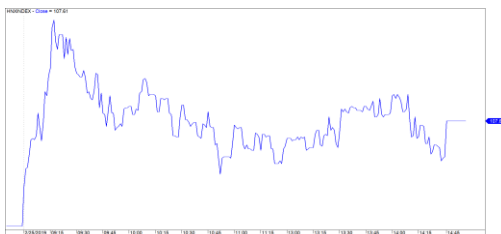
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	994.43	107.61	55.59
% ngày	0.56%	0.74%	0.07%
% tuần	3.45%	0.72%	0.60%
% tháng	9.41%	4.74%	3.48%
% năm	-9.83%	-14.76%	-6.67%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,999	516	319
TB 1 tuần	4,566	493	428
TB 1 tháng	3,702	398	334
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,076.65	52.04	55.09
Bán	949.96	22.02	51.89
Giá trị ròng	126.69	30.02	3.20
Độ rộng TT			
Mã Tăng	180	77	154
Mã Giảm	122	71	94
Không Đổi	81	235	607
Chỉ số chính			
P/E	16.90	9.77	17.05
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,244	199	975
LS Cổ tức	2.47%	4.01%	4.73%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Khi có thông tin về áp lực của cuộc chiến tranh thương mại đang được giảm xuống khi tổng thống Mỹ đã quyết định dời mốc hiệp định đánh thuế tại ngày 01/03/2019 nhằm hai quốc gia có thể đưa ra được những thỏa thuận phù hợp. Chính điều này đã ảnh hưởng tích cực đến các thị trường tại khu vực Châu Á, khi tất cả các chỉ số đều có mức tăng khá tốt trong phiên. Đặc biệt nhất là thị trường Trung Quốc với hai chỉ số chính là Shanghai và Shenzhen có mức tăng đột biến 5.6% cho mỗi chỉ số.

Thị trường Việt Nam cũng giao dịch đồng pha với thị trường chung, chỉ số VN-Index có mức tăng 0.56% và chốt cuối phiên tại 994.4 điểm. Mức thanh khoản trong phiên tăng mạnh khi tổng giá trị giao dịch gần 5,000 tỷ đồng. Đối với sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng có mức tăng khá tốt và dừng lại tại 107.6 điểm (+0.74%); chỉ số Upcom-Index phần lớn thời gian giao dịch dưới mức tham chiếu tuy nhiên cuối phiên đã vượt lên tăng nhẹ 0.07% tại 55.6 điểm.

Sau nhiều phiên là trụ đỡ cho chỉ số chính thì nhóm cổ phiếu nhà Vingroup đã chịu áp lực chốt lời trong phiên làm các mã giảm nhẹ VIC (-0.6%), VHM (-1.2%), VRE (-3.1%). Tuy nhiên, các nhóm ngành mang tính thị trường lại có mức tăng khá tốt như nhóm Tài chính, Bất động sản, Xây dựng... Chỉ số HNX-Index được hỗ trợ chính bởi các mã Largecaps như ACB, VCS, PVS, VGC, PVI...

Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên toàn thị trường đạt mức 160 tỷ đồng. Tập trung chủ yếu vào các mã trên sàn HSX như MSN, VCB, HPG, SSI, PVS. Tuy nhiên vẫn có nhiều mã bị bán ròng trong phiên như VRE, VJC, VHM, DHG, GEG.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh trong phiên tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ quay trở lại vùng giá 972 – 991 điểm. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư cũng đã bớt bi quan hơn so với các phiên giao dịch trước, nhưng tâm lý vẫn chưa hoàn toàn rõ ràng và rủi ro ngắn hạn có dấu hiệu tăng nhẹ. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ, nhưng mức tỷ trọng này vẫn đang nằm trong vùng rủi ro 70 – 80% cho nên thị trường có thể sẽ phân hóa dần trong những phiên tới.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 968.45 điểm của chỉ số VN-Index và 104.08 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 70% cổ phiếu/30% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

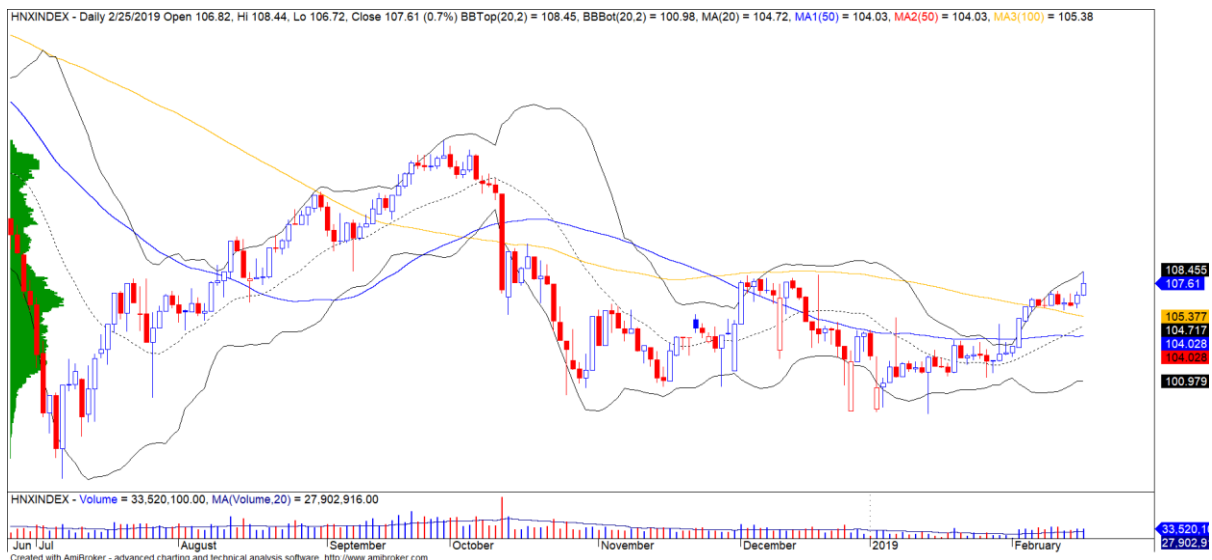


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	972	1,025	897	780
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	110	117	100	96
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	946	995	865	768
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	925	971
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	815	835	789	769

We Create **Fortune**
BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15,200	TĂNG	GIẢM	15,400	14,868	-1.30%			16,605		
ACB	31,000	TĂNG	GIẢM	30,200	29,123	2.65%			33,291		
ACV	90,700	TĂNG	TĂNG	88,300	86,182	2.72%		90,000	76,780	0.78%	
ANV	28,400	TĂNG	GIẢM	27,200	27,471	4.41%			31,024		
ASM	8,220	GIẢM	GIẢM		8,614				9,351		
BFC	21,450	GIẢM	GIẢM		22,918				25,187		
BID	34,000	TĂNG	TĂNG	33,150	32,666	2.56%		33,400	29,888	1.80%	
BMP	48,400	TĂNG	GIẢM	50,800	48,075	-4.72%			54,542		
BSR	14,200	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	8.40%			15,250		
BVH	94,900	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	0.53%		86,000	88,082	10.35%	
BWE	24,400	GIẢM	TĂNG		25,537			20,000	22,133	22.00%	
CEO	13,400	TĂNG	GIẢM	13,500	13,076	-0.74%			14,755		
CHP	23,000	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.23%		23,000	20,585	0.00%	
CII	23,650	GIẢM	GIẢM		24,059				26,172		
CMX	16,200	TĂNG	TĂNG	15,150	15,640	6.93%		5,910	13,022	174.11%	
CSM	14,650	GIẢM	TĂNG		15,312			14,390	13,911	1.80%	
CTD	136,000	GIẢM	GIẢM		139,941				152,745		
CTG	21,300	TĂNG	GIẢM	19,550	19,817	8.95%			22,209		
CTI	25,000	GIẢM	TĂNG		25,837			26,850	23,186	-6.89%	
CVT	22,850	TĂNG	TĂNG	19,900	21,783	14.82%		22,550	18,860	1.33%	
DCM	9,100	TĂNG	GIẢM	9,200	8,877	-1.09%			9,978		
DGC	43,000	TĂNG	GIẢM	44,000	41,659	-2.27%			47,020		
DGW	24,250	TĂNG	GIẢM	23,300	23,113	4.08%			25,127		
DHA	33,900	TĂNG	TĂNG	32,250	31,350	5.12%		29,100	28,741	16.49%	
DHC	33,300	TĂNG	GIẢM	32,700	31,837	1.83%			34,601		
DHG	109,100	TĂNG	TĂNG	77,500	93,308	40.77%		93,000	78,754	17.31%	
DIG	16,250	TĂNG	GIẢM	16,000	16,126	1.56%			17,064		
DPG	47,600	TĂNG	GIẢM		47,361				52,441		
DPM	21,000	GIẢM	TĂNG		22,628			19,400	20,291	8.25%	
DPR	40,000	TĂNG	TĂNG	32,600	37,441	22.70%		35,950	34,151	11.27%	
DQC	26,800	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	-3.25%		31,000	26,186	-13.55%	
DRC	22,300	TĂNG	GIẢM		22,235				24,379		
DXG	24,750	TĂNG	GIẢM	24,700	23,916	0.20%			26,665		
EIB	17,800	TĂNG	TĂNG	17,800	17,762	0.00%	MUA	14,700	16,280	21.09%	
FCN	14,600	TĂNG	GIẢM	13,900	13,960	5.04%			15,658		
FMC	29,200	GIẢM	TĂNG		31,660			24,700	27,888	18.22%	
FPT	45,500	TĂNG	TĂNG	42,800	43,404	6.31%			45,324		
GAS	99,200	TĂNG	GIẢM	89,900	93,800	10.34%			100,384		
GEX	23,850	TĂNG	GIẢM	22,600	22,726	5.53%			24,673		
GIL	39,500	TĂNG	TĂNG	35,950	39,178	9.87%		39,000	35,205	1.28%	

We Create Fortune

GMD	27,500	TĂNG	GIẢM	27,500	26,636	0.00%			29,123		
GTN	11,700	TĂNG	GIẢM	10,400	11,280	12.50%			11,796		
HAG	5,500	TĂNG	GIẢM	5,080	5,208	8.27%			5,603		
HAX	16,800	TĂNG	GIẢM	17,200	16,310	-2.33%			17,965		
HBC	18,750	TĂNG	GIẢM	16,800	17,500	11.61%			19,374		
HCM	29,900	TĂNG	TĂNG	46,700	26,439	-35.97%		28,000	26,547	6.79%	MUA
HDB	31,000	TĂNG	GIẢM	31,000	30,706	0.00%	MUA		33,267		
HDC	14,150	GIẢM	GIẢM		14,636				14,709		
HDG	36,950	TĂNG	TĂNG	35,950	35,814	2.78%		37,400	32,450	-1.20%	
HNG	15,850	TĂNG	GIẢM	15,100	14,658	4.97%			16,554		
HPG	34,800	TĂNG	TĂNG	29,500	31,320	17.97%		33,900	32,928	2.65%	MUA
HSG	8,520	TĂNG	TĂNG	6,860	7,204	24.20%			8,479		
HT1	15,500	TĂNG	TĂNG	14,150	15,167	9.54%		14,800	13,246	4.73%	
HUT	3,500	GIẢM	GIẢM		3,753				4,342		
HVN	38,700	GIẢM	TĂNG		40,638			39,000	34,635	-0.77%	
KBC	14,600	TĂNG	TĂNG	14,250	14,175	2.46%		13,450	12,691	8.55%	
KDH	31,000	TĂNG	TĂNG	31,200	30,334	-0.64%		33,000	28,018	-6.06%	
KSB	25,700	TĂNG	GIẢM	26,300	25,416	-2.28%			27,640		
LCG	9,200	TĂNG	TĂNG	8,230	8,713	11.79%		9,200	7,868	0.00%	
LDG	13,850	GIẢM	GIẢM		15,161				16,835		
LHG	19,800	TĂNG	GIẢM	19,100	18,974	3.66%			20,947		
LPB	9,200	TĂNG	GIẢM	9,100	8,663	1.10%			9,825		
LSS	6,100	GIẢM	GIẢM		6,486			7,890	6,353	-19.48%	BÁN
MBB	22,450	TĂNG	TĂNG	19,750	21,716	13.67%		21,850	19,348	2.75%	
MPC	46,600	TĂNG	TĂNG	41,100	45,607	13.38%		47,500	39,770	-1.89%	
MSN	91,200	TĂNG	TĂNG	82,300	85,889	10.81%			88,530		
MSR	19,000	TĂNG	GIẢM	18,700	18,783	1.60%			20,804		
MWG	89,600	TĂNG	GIẢM	86,200	85,795	3.94%			92,376		
NDN	11,900	TĂNG	GIẢM	12,500	11,773	-4.80%			13,356		
NKG	7,800	TĂNG	GIẢM	6,580	7,053	18.54%			7,821		
NLG	27,200	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	4.21%			28,488		
NT2	29,000	GIẢM	TĂNG		29,933			25,900	26,826	11.97%	
NTL	18,000	GIẢM	TĂNG	19,200	18,084	-5.81%	BÁN	10,450	15,978	72.25%	
OIL	14,900	TĂNG	GIẢM	14,900	14,476	0.00%			16,188		
PAC	36,900	GIẢM	GIẢM		37,535				40,410		
PC1	23,050	GIẢM	GIẢM		24,541				25,195		
PDR	26,800	TĂNG	GIẢM	26,150	25,744	2.49%			27,684		
PHR	43,000	TĂNG	TĂNG	29,300	37,655	46.76%		24,000	31,895	79.17%	
PLX	58,600	TĂNG	GIẢM	55,700	55,835	5.21%			60,986		
PNJ	100,000	TĂNG	GIẢM	94,200	95,769	6.16%			101,983		
POW	16,400	GIẢM	TĂNG		17,156			16,550	14,933	-0.91%	
PPC	23,100	TĂNG	TĂNG	18,550	22,368	24.53%		19,700	21,245	17.26%	
PTB	62,000	TĂNG	TĂNG	60,200	58,605	2.99%		64,000	56,808	-3.13%	
PVD	17,600	TĂNG	GIẢM	15,500	16,615	13.55%			17,923		
PVI	33,700	TĂNG	TĂNG	32,900	32,654	2.43%		33,000	30,008	2.12%	
PVS	20,700	TĂNG	GIẢM	18,900	18,996	9.52%			20,919		

We Create Fortune

PXS	3,960	GIẢM	GIẢM		4,275			4,874		
QNS	43,100	TĂNG	TĂNG	42,000	42,441	2.62%		41,500	3,425	3.86%
REE	35,600	TĂNG	TĂNG	31,100	34,359	14.47%		35,100	31,219	1.42%
SAB	247,800	TĂNG	TĂNG	244,000	240,625	1.56%		245,000	227,704	1.14%
SAM	7,400	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	4.37%		7,400	6,782	0.00%
SCR	7,480	GIẢM	GIẢM		7,714			8,128		
SHI	8,480	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	23.80%		6,990	7,111	21.32%
SJS	21,550	TĂNG	TĂNG	18,800	20,682	14.63%		18,100	18,715	19.06%
SKG	14,900	GIẢM	GIẢM		15,371			17,466		
SSI	28,600	TĂNG	GIẢM	26,900	27,050	6.32%		29,029		
STB	12,900	TĂNG	TĂNG	11,700	12,527	10.26%		13,000	11,265	-0.77%
TCB	27,750	TĂNG	GIẢM	25,800	26,701	7.56%		N/A		
TCM	29,600	TĂNG	TĂNG	24,350	28,186	21.56%		28,000	24,042	5.71%
TDH	10,650	TĂNG	GIẢM	10,300	10,318	3.40%		11,264		
TLH	5,020	TĂNG	GIẢM	5,000	4,597	0.40%		5,686		
TNG	18,600	TĂNG	TĂNG	18,000	18,340	3.33%		12,000	15,302	55.00%
VCB	63,400	TĂNG	TĂNG	55,000	59,009	15.27%		62,000	59,813	2.26%
VCG	27,400	TĂNG	TĂNG	25,100	25,703	9.16%		19,200	19,701	42.71%
VFG	38,000	GIẢM	TĂNG		39,085			34,394	34,815	10.49%
VGC	20,700	TĂNG	TĂNG	16,300	19,510	26.99%		19,100	17,592	8.38%
VGT	11,500	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	-0.86%		13,091		
VHC	94,500	GIẢM	GIẢM		97,189			105,200		
VHM	92,000	TĂNG	TĂNG	76,600	89,192	20.10%		80,000	71,219	15.00%
VIB	19,000	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	5.56%		19,666		
VIC	116,300	TĂNG	TĂNG	109,100	112,845	6.60%		112,000	95,601	3.84%
VIP	7,400	TĂNG	TĂNG	7,000	7,032	5.71%		7,350	7,277	0.68%
VJC	124,500	TĂNG	GIẢM	124,500	122,619	0.00%	MUA	130,367		
VND	17,900	TĂNG	GIẢM	16,800	16,552	6.55%		18,694		
VNG	21,600	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	18.02%		16,008	19,906	34.94%
VNM	151,600	TĂNG	TĂNG	131,000	144,581	15.73%		140,200	125,061	8.13%
VPB	21,500	TĂNG	GIẢM	20,200	20,441	6.44%		22,887		
VPI	41,250	GIẢM	GIẢM		41,972			43,124		
VRC	17,600	GIẢM	GIẢM		18,159			19,388		
VRE	33,900	TĂNG	TĂNG	30,400	32,945	11.51%		35,000	32,589	-3.14%
VSC	44,400	TĂNG	GIẢM	42,700	42,750	3.98%		45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	994.43	0.56%
VN30	939.47	1.07%
VN Mid	1,001.63	0.95%
VN Small	792.23	0.51%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	107.61	0.74%
HN30	196.29	0.76%
VNX AllSh	905.30	0.80%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.59	0.07%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1,076.65	
Bán	949.96	
GT rỗng	126.69	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	52.04	
Bán	22.02	
GT rỗng	30.02	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	55.09	
Bán	51.89	
GT rỗng	3.20	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPG	3100	6.97%
DHG	7100	6.96%
TTF	200	6.92%
NVT	540	6.91%
HSG	550	6.90%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BVS	400	3.42%
TV2	4200	3.28%
TVC	400	3.08%
PVS	400	1.97%
ACB	500	1.64%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MIG	600	4.55%
NTC	4000	3.85%
ACV	2100	2.37%
VEF	1700	1.76%
BSR	200	1.43%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VRE	-1100	-3.14%
NBB	-550	-2.89%
NTL	-500	-2.70%
SJS	-450	-2.05%
BVH	-1600	-1.66%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	-300	-2.46%
VC3	-400	-1.78%
TNG	-300	-1.59%
NVB	-100	-1.14%
DHT	-400	-1.02%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	-300	-2.54%
VTP	-4000	-2.31%
VGI	-400	-2.11%
MPC	-600	-1.27%
VLB	-200	-0.64%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	373,420	
VHM	311,840	
VNM	259,296	
VCB	229,950	
GAS	190,055	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,039	
VCG	12,147	
VCS	9,988	
PVS	9,703	
VGC	9,236	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	192,896	
MCH	66,901	
VEA	64,234	
HVN	55,129	
BSR	43,485	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
AMD	16,080,860	4,195,454
HPG	11,781,980	6,188,743
HSG	8,491,600	3,327,098
STB	6,896,200	5,110,531
EIB	6,745,890	832,278

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	5,804,809	3,417,829
SHB	5,221,870	5,042,647
ACB	3,928,674	1,838,775
VGC	2,073,880	1,973,162
SHS	1,853,423	776,148

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VLB	2,029,300	495,322
BSR	1,622,834	1,538,387
GEG	1,399,660	336,835
VGT	1,245,470	2,799,263
LPB	889,710	759,873

Nguồn: Bloomberg & YSVN

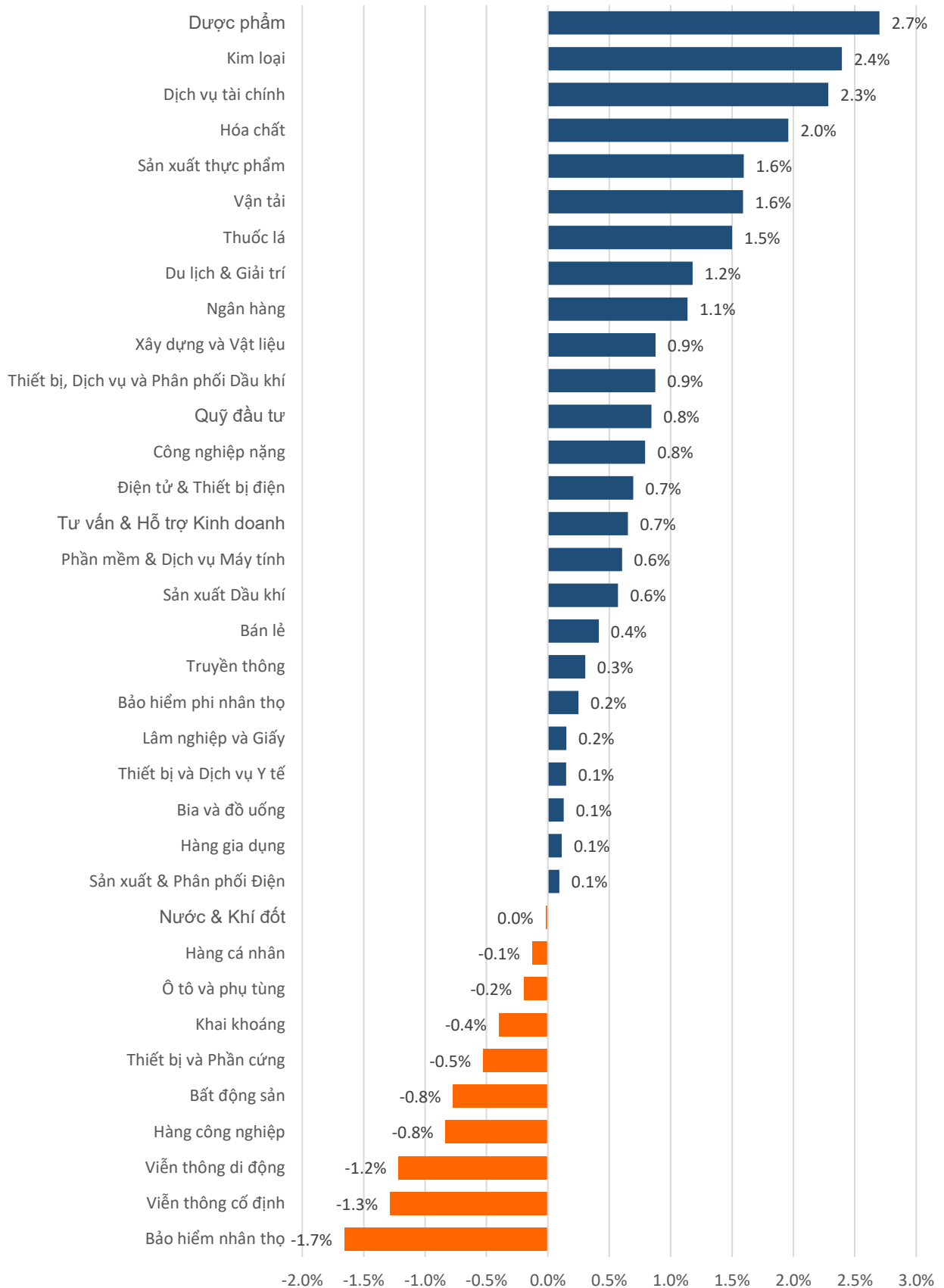
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



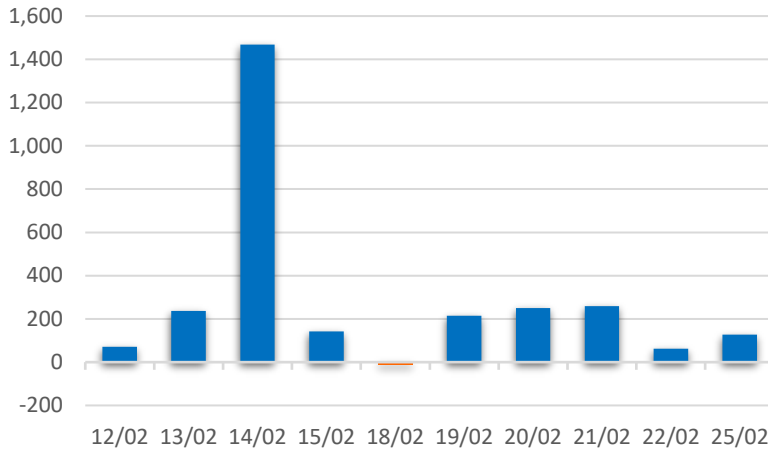
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

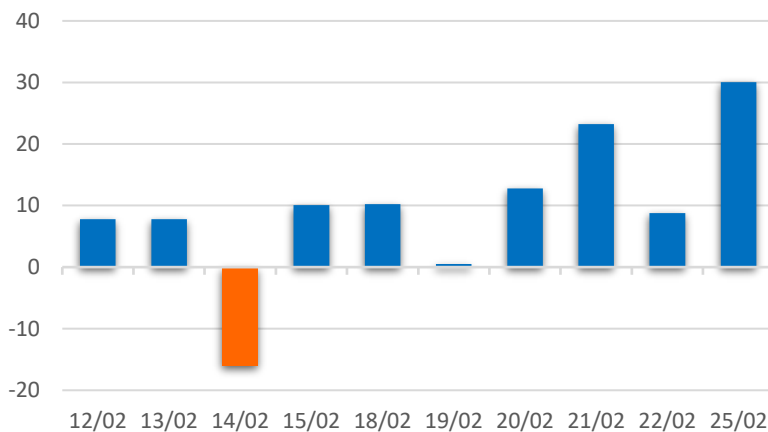
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	68,539	VRE	53,038
VCB	65,182	VJC	37,212
HPG	40,972	VHM	29,880
SSI	39,397	DHG	28,264
GEX	37,188	CII	18,234

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

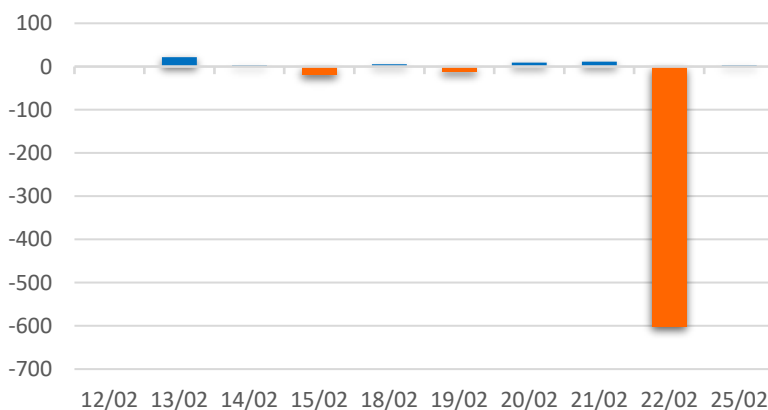
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	38,073	SHS	3,157
VGC	353	SHB	2,508
TV2	255	CEO	1,822
SRA	156	BVS	557
DHT	133	PGS	272

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ACV	9,760	GEG	18,470
BSR	5,381	VEA	3,322
QNS	4,305	KDF	744
OIL	3,299	MPC	426
VTP	1,144	VGI	168

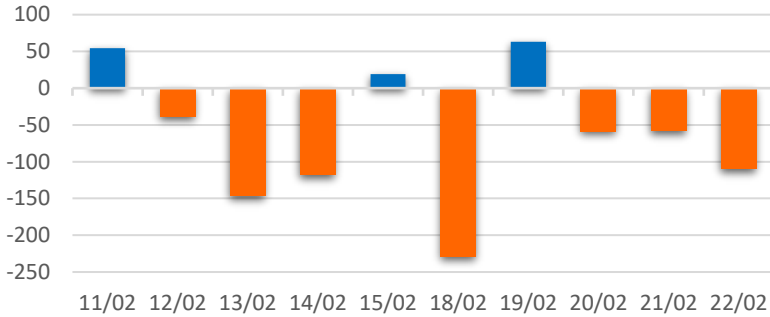
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

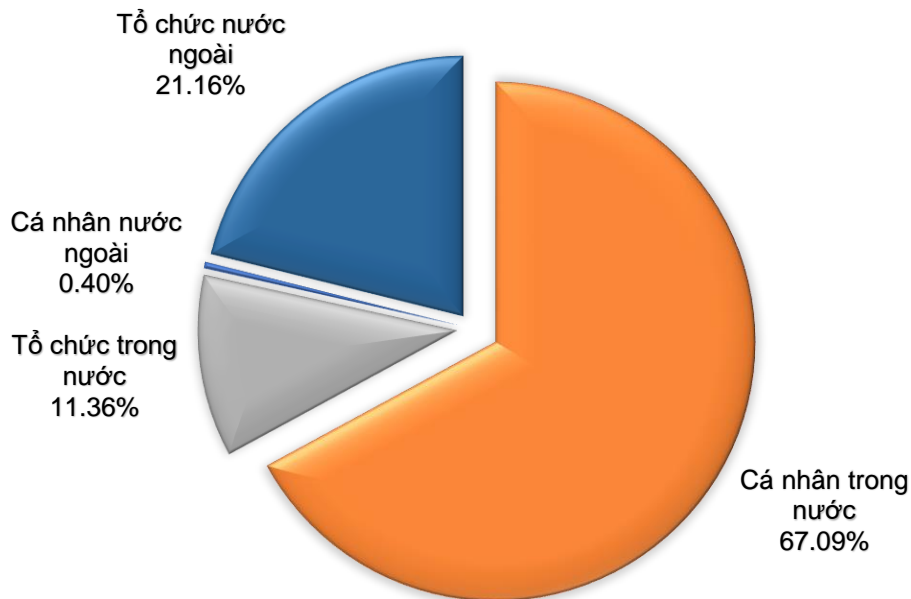
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
HPG	17,888	VHM	71,766
VIC	8,583	E1VFN30	29,296
VHM	7,509	TCB	14,605
DIG	4,951	CTG	9,676
REE	3,306	MBB	7,448

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

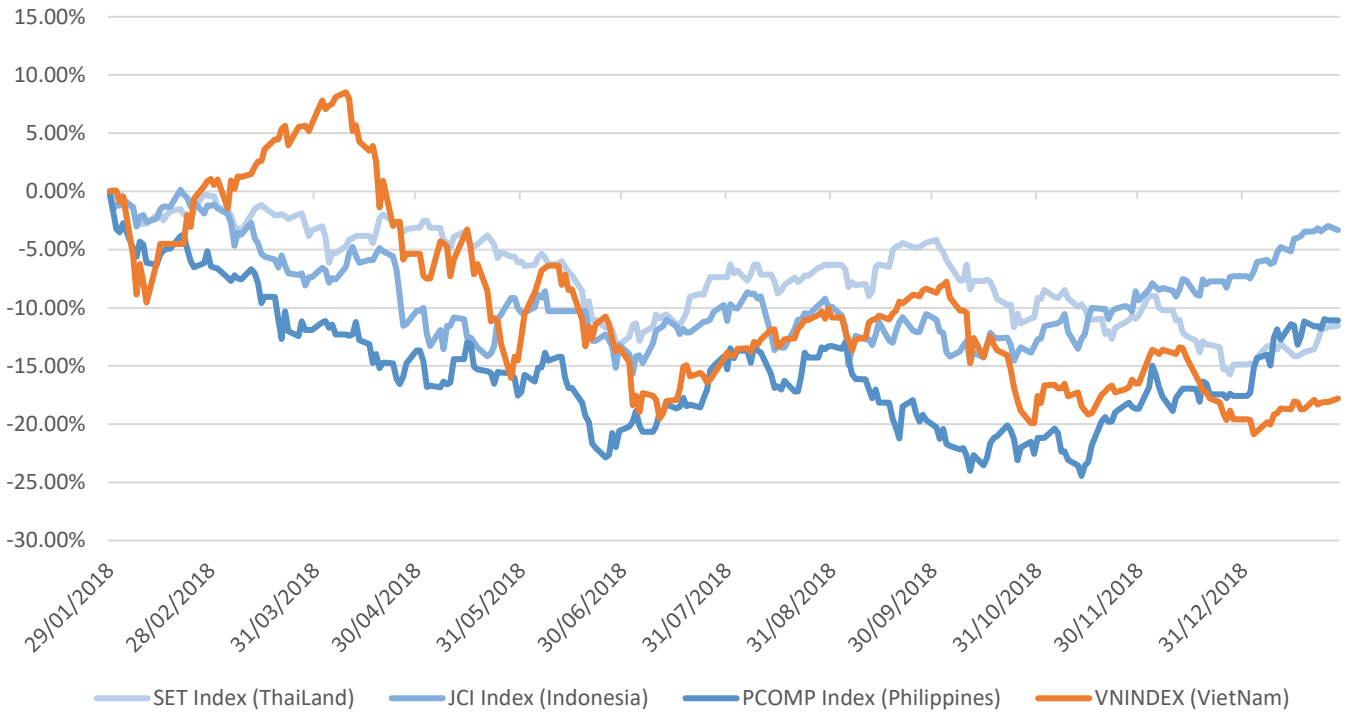


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

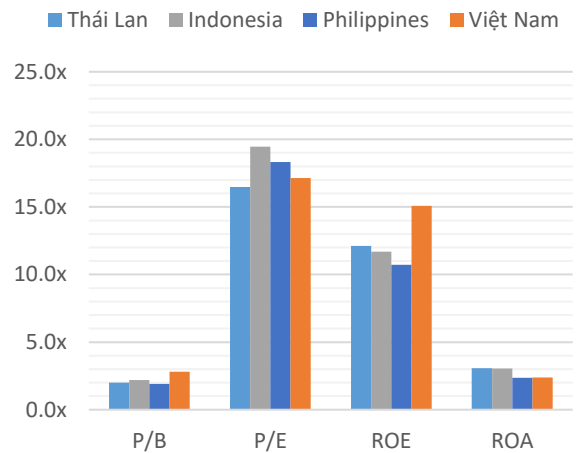
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written